

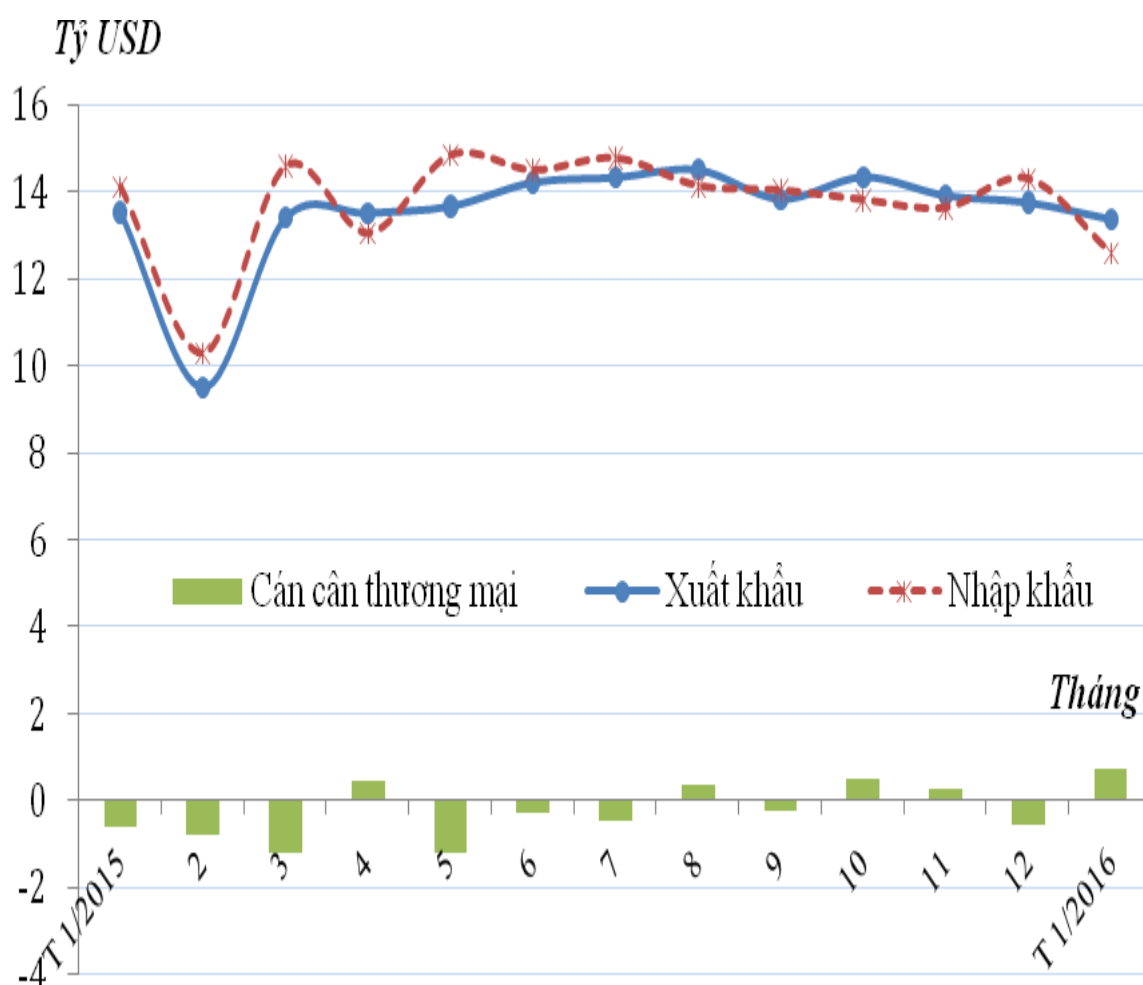
Tình hình xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam tháng 1 năm 2016

1. Đánh giá chung

Theo số liệu thống kê của Tổng cục Hải quan, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa cả nước trong tháng 01/2016 đạt hơn 25,96 tỷ USD, giảm 7,4% so với tháng 12/2015. Trong đó, xuất khẩu là 13,36 tỷ USD, giảm 2,7% và nhập khẩu là gần 12,6 tỷ USD, giảm mạnh 11,9% so với tháng trước. Xét về số tuyệt đối, trị giá xuất nhập khẩu hàng hóa cả nước giảm tới 2,07 tỷ USD so với tháng trước, trong đó xuất khẩu giảm 371 triệu USD và nhập khẩu giảm tới 1,7 tỷ USD.

Cán cân thương mại hàng hóa cả nước thặng dư 765 triệu USD trong tháng 1/2016. Do nhập khẩu giảm mạnh hơn nhiều so với xuất khẩu nên trong tháng 1/2016 cả nước xuất siêu 765 triệu USD, ngược lại với mức nhập siêu 563 triệu USD của tháng trước và 612 triệu USD của tháng 1/2015.

Biểu đồ 1: Trị giá xuất khẩu, nhập khẩu và cán cân thương mại hàng hoá của Việt Nam từ tháng 1/2015 đến tháng 1/2016

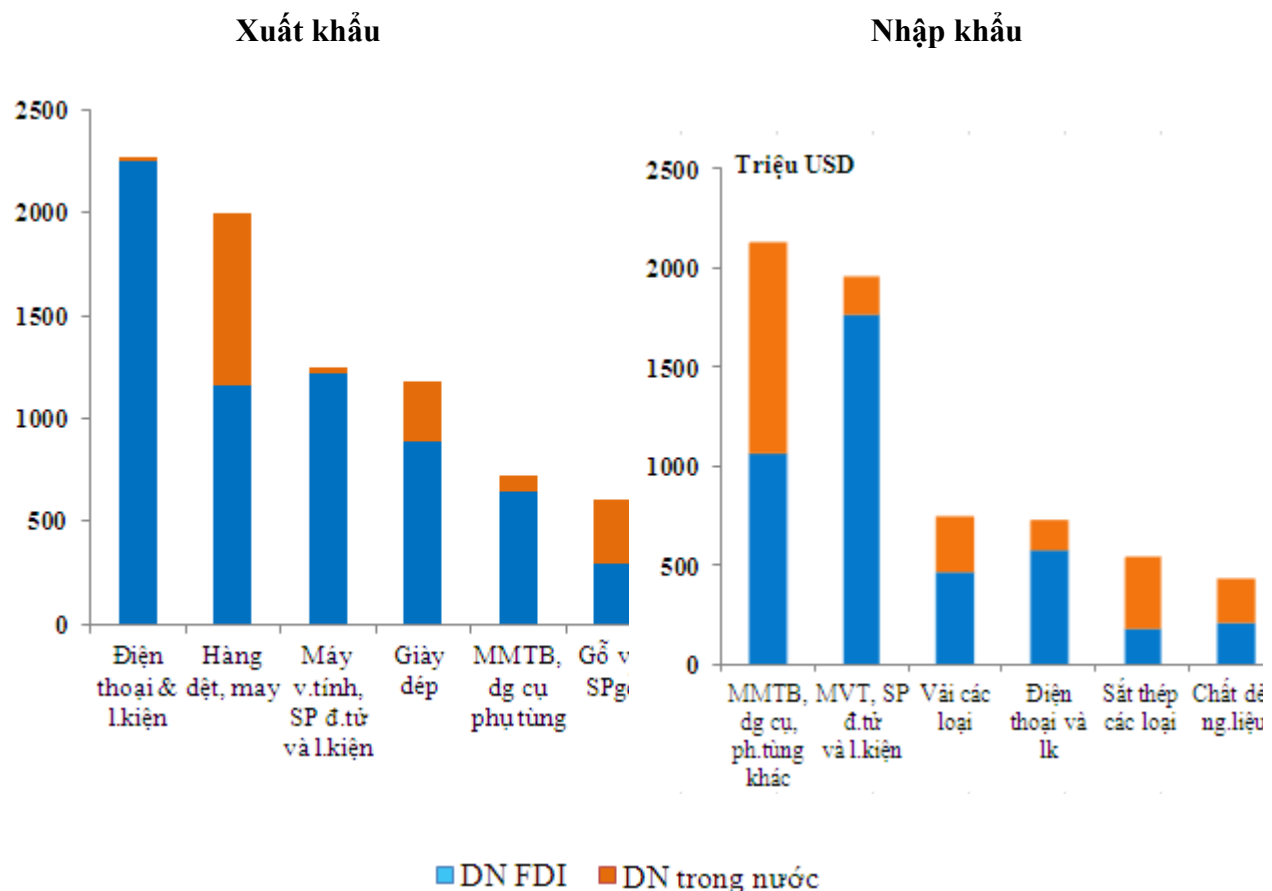


Nguồn: Tổng cục Hải quan

2. Xuất nhập khẩu theo loại hình doanh nghiệp

Xét theo khối doanh nghiệp, trong tháng 1/2016 khối các doanh nghiệp có vốn hoàn toàn trong nước (doanh nghiệp trong nước) nhập siêu gần 1,1 tỷ USD (xuất khẩu 4,32 tỷ USD và nhập khẩu là 5,42 tỷ USD). Các doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) xuất siêu 1,86 tỷ USD (xuất khẩu 9,04 tỷ USD và nhập khẩu 7,18 tỷ USD).

Biểu đồ 2: 10 nhóm hàng xuất khẩu, nhập khẩu lớn nhất tháng 1/2016 theo doanh nghiệp FDI và doanh nghiệp trong nước



Nguồn: Tổng cục Hải quan

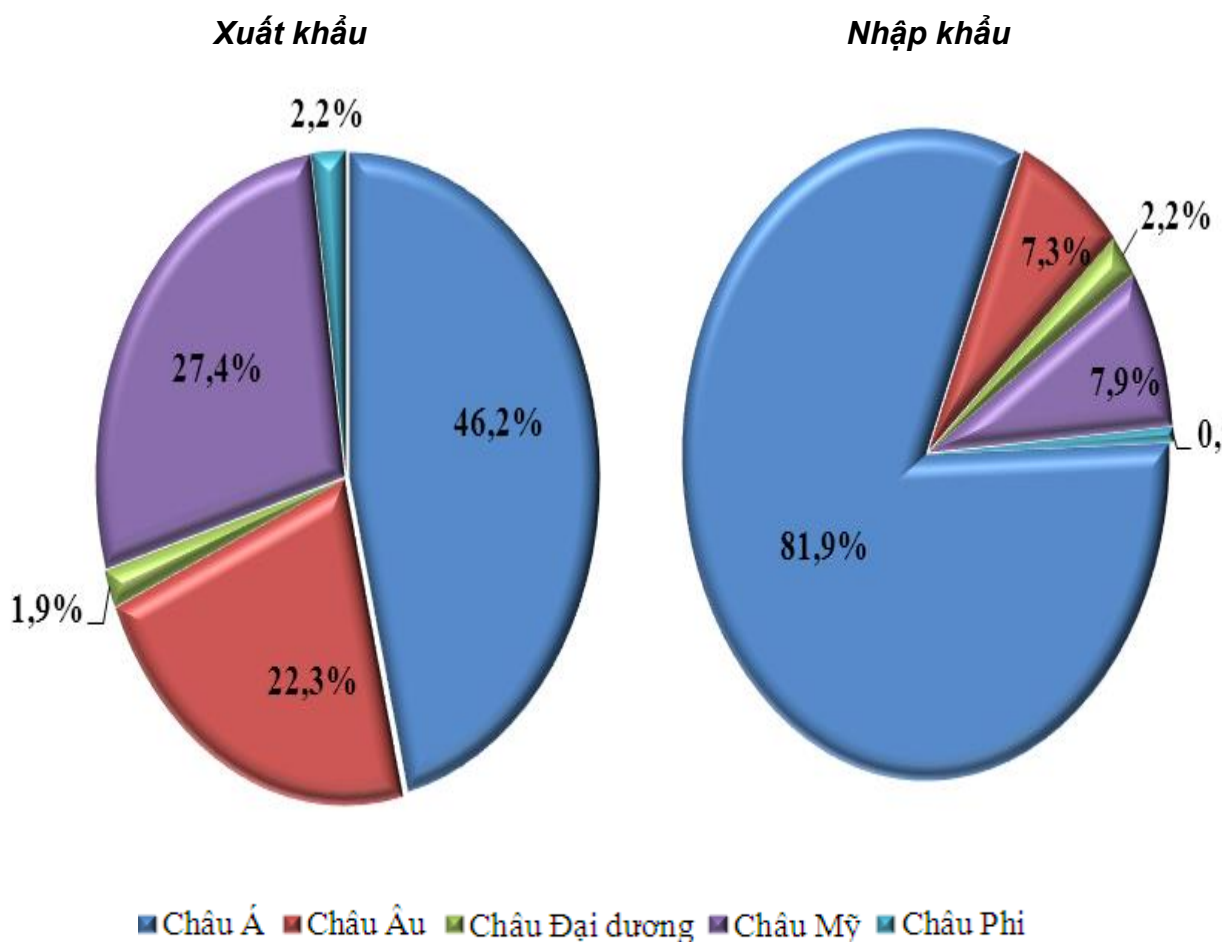
3. Thị trường xuất nhập khẩu hàng hóa

Tổng trị giá trao đổi hàng hóa của Việt Nam với châu Á trong tháng 1/2016 đạt 16,5 tỷ USD, giảm 8,2% so với cùng kỳ năm 2015 vẫn là châu lục chiếm tỷ trọng cao nhất (63,6%) trong tổng kim ngạch xuất nhập khẩu cả nước.

Tiếp theo là xuất nhập khẩu giữa Việt Nam với các nước châu Mỹ với kim ngạch 4,6 tỷ USD, tăng 7,7% so với năm trước. Kim ngạch xuất nhập khẩu của Việt Nam với châu

Âu đạt 3,9 tỷ USD, giảm 11,8%; châu Phi là 385,6 triệu USD, giảm 10,1%; châu Đại Dương đạt 523,8 triệu USD, tăng 12,5%.

Biểu đồ 3: Xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam với các Châu lục tháng 01/2016



Nguồn: Tổng cục Hải quan

4. Các nhóm mặt hàng xuất khẩu chính

4.1. Điện thoại các loại & linh kiện: trong tháng 1/2016, xuất khẩu của mặt hàng này 2,27 tỷ USD tăng 31,4 so với tháng 12/2015 và giảm 7% so với tháng 1/2015, tương đương giảm 171 triệu USD.

Những đối tác chính nhập khẩu điện thoại các loại & linh kiện của Việt Nam trong tháng là EU với 714 triệu USD, giảm 13,2% và chiếm 31,4% tổng trị giá xuất khẩu nhóm hàng này của cả nước. Tiếp theo là: Tiểu Vương Quốc Ảrập thống nhất 365 triệu USD, giảm 6,3%; Hoa Kỳ: 226 triệu USD, tăng 20,03%; Áo 148 triệu USD, giảm 15,6% ...so với cùng kỳ năm 2015.

4.2. Máy vi tính, sản phẩm điện tử & linh kiện: xuất khẩu mặt hàng này trong tháng 1 đạt 1,25 tỷ USD giảm 4,4% so với tháng 12/2015, và giảm 1,9% so với cùng kỳ năm trước.

EU là tiếp tục là đối tác lớn nhất nhập khẩu nhóm hàng này của Việt Nam trong tháng với 363 triệu USD, tăng 26,2%; tiếp theo là Hoa Kỳ đạt 180 triệu USD, giảm 15,1%; sang Trung Quốc đạt 170 triệu USD, giảm 6%; sang Hà Lan đạt 166 triệu USD, tăng mạnh 86,9%... so với cùng kỳ năm trước.

4.3. Hàng dệt may: trong tháng 1, xuất khẩu đạt 2 tỷ USD, giảm 9,3% so với tháng trước, tăng 5,9% so với cùng kỳ năm 2015.

Các thị trường chính nhập khẩu hàng dệt may của Việt Nam trong tháng 1 là: Hoa Kỳ đạt 996 triệu USD, tăng 9%; sang EU đạt 288 triệu USD, tăng 3,3%; sang Nhật Bản đạt 247 triệu USD, tăng 3,1%; sang Hàn Quốc đạt 182 triệu USD, tăng 6,8% so với tháng 1/2015.

4.4. Giày dép các loại: trong tháng 1 xuất khẩu đạt 1,18 tỷ USD giảm 2,9% so với tháng trước đó, tăng 10,1% so với cùng kỳ năm 2015.

Xuất khẩu giày dép các loại sang Hoa Kỳ trong tháng đầu tiên của năm 2016 đạt 379 triệu USD tăng 13,8%, sang EU đạt 415 triệu USD tăng 7,9% so với tháng 1/2015.

4.5. Máy móc, thiết bị, dụng cụ & phụ tùng: trong tháng 1/2015, xuất khẩu đạt 728 triệu USD giảm 4% so với tháng trước, và tăng 12,2% so với cùng kỳ năm 2015.

Trong tháng 1/2016, xuất khẩu nhóm hàng này sang Hoa Kỳ đạt 178 triệu USD, tăng 52,9%; sang Nhật Bản: 121 triệu USD, tăng 5,3%; sang Trung Quốc đạt 55,5 triệu USD, tăng 17,5% so với tháng 1/2015.

4.6. Gỗ & sản phẩm gỗ: xuất khẩu trong tháng đạt 606 triệu USD, giảm 19,7% so với tháng 12/2015. Tháng 01/2016, nhóm hàng gỗ & sản phẩm gỗ xuất sang Hoa Kỳ đạt 254 triệu USD, tăng 19,5%; sang Nhật Bản đạt 78 triệu USD giảm 5,9%; sang Trung Quốc đạt gần 56 triệu USD giảm 32% so với cùng kỳ năm 2015.

4.7. Phương tiện vận tải và phụ tùng: trong tháng 1 xuất khẩu nhóm hàng này đạt hơn 525 triệu USD tăng 13,2% so với tháng trước đó, nhưng lại giảm 2,8% so với cùng kỳ năm 2015

Xuất khẩu nhóm hàng này của cả nước trong tháng 1/2016 chủ yếu sang Nhật Bản với 162,5 triệu USD giảm 11,4%, tiếp theo là Hoa Kỳ với hơn 58 triệu USD tăng 8% so với tháng 1/2015, Thụy Sĩ là 33,7 triệu USD...

4.8. Hàng thủy sản: kim ngạch xuất khẩu 1/2016 đạt 553 triệu USD, giảm 6,4% so với tháng 12/2015, tăng 10,9% so với cùng kỳ năm 2015.

Xuất khẩu hàng thủy sản trong tháng sang Hoa Kỳ đạt 110 triệu USD, tăng 24,3%; sang EU đạt 87,4 triệu USD, tăng 3,3%; sang Nhật Bản là 76,7 triệu USD, tăng 3,6%; sang Trung Quốc đạt 53,2 triệu, tăng 41,5%..., so với tháng 1/2015.

4.9. Cà phê: lượng cà phê xuất khẩu trong tháng đầu năm 2016 là 170 nghìn tấn, trị giá đạt gần 295 triệu USD, tăng 23,7% về lượng và tăng nhẹ 1,4% về trị giá so với tháng 1/2015.

Xuất khẩu cà phê trong tháng sang Đức là gần 34 nghìn tấn, tăng 40,9%, sang Hoa Kỳ đạt 23,5 nghìn tấn, tăng mạnh 83,2%, sang Italia là 14,7 nghìn tấn, tăng 10,3% so với tháng 1/2015...

4.10. Túi xách, ví, va li, mũ và ô dù: trong tháng xuất khẩu mặt hàng này đạt 264 triệu USD, tăng 7,2% so với cùng kỳ năm 2015, nhưng giảm 2,9% so với tháng 12/2015.

Hoa Kỳ vẫn là đối tác chính nhập khẩu túi xách, ví, vali mũ và ô dù của Việt Nam với 104 triệu USD, tăng 8,2% so với tháng 1/2015, tiếp theo là EU với trị giá 66 triệu USD, giảm nhẹ 0,7.

5. Các nhóm mặt hàng nhập khẩu chính

5.1. Máy móc, thiết bị, dụng cụ & phụ tùng: trị giá nhập khẩu nhóm hàng này trong tháng 1/2016 là 2,14 tỷ USD, giảm 15,1% so với tháng 12/2015 và giảm 14,5% so với cùng kỳ năm 2015.

Việt Nam nhập khẩu máy móc thiết bị và phụ tùng chủ yếu từ các thị trường: Trung Quốc với trị giá là 769 triệu USD, giảm 8,3%; tiếp theo là các thị trường: Hàn Quốc: 376,7 triệu USD, giảm 18%; Nhật Bản: 303,7 triệu USD, giảm 33,3%; Đài Loan: 129,5 tỷ USD, giảm 7,9%... so với cùng kỳ năm 2015.

5.2. Máy vi tính, sản phẩm điện tử & linh kiện: trong tháng 1 nhập khẩu là 1,97 tỷ USD tăng 11,7% so với tháng 12/2015 và tăng 1,5% so với cùng kỳ năm 2015.

Trong tháng 1/2016, Hàn Quốc tiếp tục là đối tác lớn nhất cung cấp nhóm hàng này cho Việt Nam với trị giá nhập khẩu là gần 564 triệu USD, tăng 28%; tiếp theo là các thị trường: Trung Quốc: 439 triệu USD, tăng nhẹ 0,3%; Đài Loan: 217 triệu USD, tăng 8,4%... so với tháng 1/2015.

5.3. Nhóm hàng nguyên, phụ liệu dệt may, da, giày (gồm bông, vải, xơ sợi dệt các loại và nguyên phụ liệu dệt may, da giày khác) : trong tháng 1/2016 nhập khẩu đạt gần 1,4 tỷ USD, giảm 7,8% so với tháng 12/2015 và giảm 2,4% so với cùng kỳ năm 2015.

Trong tháng đầu năm 2016, Việt Nam nhập khẩu nhóm mặt hàng này từ Trung Quốc với 612 triệu USD, tăng 4,31%; Hàn Quốc: 204 triệu USD, giảm 6,7%; Đài Loan: 159 triệu USD, giảm 7,9%...so với năm trước.

5.4. Điện thoại các loại và linh kiện: trong tháng 1/2016, nhập khẩu nhóm hàng này đạt 744,9 triệu USD, tăng 15% so với tháng 12/2015, giảm 19,4% so với tháng 1/2015.

Trung Quốc và Hàn Quốc tiếp tục là hai thị trường chính cung cấp điện thoại các loại & linh kiện cho Việt Nam trong tháng 1/2016 với trị giá nhập khẩu lần lượt là 506 triệu USD và 201 triệu USD. Tính chung kim ngạch nhập khẩu từ 2 thị trường này chiếm tới 95% nhập khẩu nhóm hàng này.

5.5. Sắt thép các loại: lượng nhập khẩu trong tháng đầu năm 2016 đạt 1,49 triệu tấn với trị giá đạt 554,6 triệu USD, giảm 16,8% về lượng và giảm 18,2% về trị giá so với tháng 12/2015.

Sắt thép các loại nhập khẩu vào Việt Nam trong tháng từ Trung Quốc là 922,6 nghìn tấn, tăng 37,5%, từ Nhật Bản là 231,7 nghìn tấn, tăng 60% và từ Hàn Quốc là 138 nghìn tấn...

5.6. Chất dẻo nguyên liệu: lượng nhập khẩu trong tháng 1/2016 là 331 nghìn tấn, trị giá đạt hơn 444 triệu USD, giảm 10,7% về lượng và 14,7% về trị giá so với tháng 12/2015.

Trong tháng 1/2016, Việt Nam nhập khẩu mặt hàng này chủ yếu từ các thị trường: Ả rập Xê út đạt hơn 69 nghìn tấn, tăng 49,2%; Hàn Quốc đạt gần 52 nghìn tấn, giảm 10,9%; Đài Loan đạt hơn 45 nghìn tấn tăng 2,8%;... so với tháng đầu năm 2015.

5.7. Kim loại thường khác: trong tháng đầu năm 2016, nhập khẩu mặt hàng này là hơn 151 nghìn tấn với trị giá đạt hơn 356 triệu USD, giảm 3,9% về lượng và 6,1% về trị giá so với tháng trước đó, tuy nhiên lại cao hơn 81,3% về lượng và 17,1% về trị giá so với cùng kỳ năm 2015.

Trong tháng này, kim loại thường được nhập khẩu vào Việt nam từ Trung Quốc là 64 nghìn tấn, Hàn Quốc là 26,7 nghìn tấn, Ô x-trây-li-a là 16,4 nghìn tấn...

5.8. Sản phẩm chất dẻo: trong tháng sản phẩm từ chất dẻo nhập khẩu là 314,6 triệu USD giảm 6,6% so với tháng 12/2015, nhưng tăng 6,6% so với cùng kỳ năm trước.

Việt Nam nhập khẩu mặt hàng sản phẩm chất dẻo từ Trung Quốc trong tháng này là gần 110 triệu USD, tăng 28,1% so với tháng 1/2015; Hàn Quốc là 89,4 triệu USD, tăng 3,2%; Nhật Bản là 43,6 triệu USD, giảm 12,1%...

5.9. Sản phẩm hóa chất: trong tháng 1/2016, cả nước nhập khẩu hơn 278 triệu USD, giảm 1% so với cùng kỳ năm 2015 và giảm 8,6% so với tháng 12/2015.

Trong tháng đầu năm 2016, Việt Nam nhập khẩu sản phẩm hóa chất từ Trung Quốc là 69 triệu USD, tăng 15,5%, từ Hàn Quốc là 41 triệu USD tăng 8,9%, từ Đài Loan là 34 triệu USD, giảm 2,3%...

5.10. Xăng dầu các loại: lượng nhập khẩu trong tháng là 789 nghìn tấn, giảm 22,9% so với tháng 12/2015. Tuy nhiên do sự sụt giảm về đơn giá nên trị giá giảm đến 41,5% và đạt 251,6 triệu USD. Lượng nhập khẩu xăng dầu các loại trong tháng 1/2016 tăng hơn 7,4% so với cùng kỳ năm 2015, nhưng lại giảm 29,1% về trị giá.

Xăng dầu các loại nhập khẩu vào Việt Nam trong tháng có xuất xứ từ: Singapore với hơn 402 nghìn tấn, tăng 67,3%; Thái Lan: 143 nghìn tấn, tăng 30,1%; Malaixia với 92 nghìn tấn, tăng gấp hơn 9 lần mức nhập khẩu tháng 1/2015.

**TỔNG QUAN SỐ LIỆU THỐNG KÊ HẢI QUAN VỀ XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU HÀNG
HOÁ THÁNG 1 NĂM 2016**

Stt		Chỉ tiêu	Số sơ bộ
(A)		(B)	(C)
I		Xuất khẩu hàng hoá (XK)	
1	I.1	Tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hoá tháng 1/2016 (Triệu USD)	13.363
2	I.2	Tăng/giảm kim ngạch xuất khẩu của tháng 1/2016 so với tháng 12/2015 (%)	-2,7
3	I.3	Tăng/giảm kim ngạch xuất khẩu tháng 1/2016 so với cùng kỳ năm 2015 (%)	-1,0
II		Nhập khẩu hàng hoá (NK)	
4	II.1	Tổng kim ngạch nhập khẩu hàng hoá tháng 1/2016 (Triệu USD)	12.598
5	II.2	Tăng/giảm kim ngạch nhập khẩu của tháng 1/2016 so với tháng 12/2015 (%)	-11,9
6	II.3	Tăng/giảm kim ngạch nhập khẩu tháng 1/2016 so với cùng kỳ năm 2015 (%)	-10,7
III		Tổng kim ngạch XNK hàng hoá (XK+NK)	
7	III.1	Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hoá tháng 1/2016 (Triệu USD)	25.961
8	III.2	Tăng/giảm kim ngạch xuất nhập khẩu của tháng 1/2016 so với tháng 12/2015 (%)	-7,4
9	III.3	Tăng/giảm kim ngạch xuất nhập khẩu tháng 1/2016 so với cùng kỳ năm 2015 (%)	-6,0

IV		Cán cân Thương mại hàng hoá (XK-NK)	
10	IV.1	Cán cân thương mại tháng 1/2016 (Triệu USD)	765